

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ M
TỈNH CÀ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ M, TỈNH CÀ M

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Công Bằng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Trường Hận và ông Võ Minh Sơn.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Minh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà M, tỉnh Cà M.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà M tham gia phiên tòa:* Bà Trần M Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà M, tỉnh Cà M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ L số 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **La L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 5/20C, Khóm 4, Phường 5, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L (nay là phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà M).
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 5/20C, Khóm 4, Phường 5, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L (nay là phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà M).

(Chị L và anh C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị La L trình bày: Chị L và anh C tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L (nay là phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà M). Trong quá trình C sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh C không chăm lo cho gia đình, mê cờ bạc và các tệ nạn xã hội, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng

không có tiếng nói C trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên từ năm 2022 chị L và anh C đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể sống C được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con C: Quá trình C sống chị và anh Nguyễn Văn C có 02 con C là em Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 12/11/2004 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/8/2012, hiện tại hai cháu đang sống cùng chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc T, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với em Nguyễn Ngọc M do đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản C và nợ C: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ L vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn C nhưng anh C đều vắng mặt và không có bất cứ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị La L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà M phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thụ L giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có L do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Chị L và anh C C sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng đến nay đã xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, cũng đã sống ly thân một thời gian nhưng không hàn gắn được mâu thuẫn, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con C: Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/8/2012 đang sống với chị L, cũng nhằm tránh xáo trộn T L và theo nguyện vọng của cháu, nên chấp nhận giao cháu Nguyễn Ngọc T cho chị La L tiếp tục nuôi dưỡng. Do các đương sự không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra để giải quyết. Đối với em Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 12/11/2004 do đã đủ tuổi trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản C và nợ C: Không có nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình: Chị La L phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị La L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại số 5/20C, Khóm 4, Phường 5, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L (nay là phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà M) nên Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà M thụ L giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp Người chưa Thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị La L có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/12/2025 nộp tại Tòa án, xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị L là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật, nên được chấp nhận. Quá trình Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà M thụ L vụ án đã triệu tập, thông báo cho anh Nguyễn Văn C tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và triệu tập xét xử nhưng anh Nguyễn Văn C đều vắng mặt, kể cả ngày hôm nay (ngày 30/01/2026); cho thấy anh Nguyễn Văn C cố tình trốn tránh. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự; áp dụng Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Về nội dung khởi kiện:* Nguyên đơn chị La L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[3.1] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Chị La L và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân từ năm 2003, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L (nay là phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà M) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 304, quyển số 01/2012, ngày 19/12/2012 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị La L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân được xây dựng trên mối quan hệ tình cảm vợ chồng và các thành viên trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chia sẻ, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo chị La L xác định quá trình C sống vợ chồng thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh C không chăm lo cho gia đình, mê cờ bạc và

các tệ nạn xã hội, chị và anh C luôn cự cãi dẫn đến hôn nhân không được hạnh phúc nên từ năm 2022 giữa chị L và anh C đã sống ly thân với nhau, nhưng anh C vẫn không quan T, không hàn gắn. Tòa án đã thông báo thụ L vụ án, triệu tập anh C đến Tòa án, nhưng anh C đều không có ý kiến cũng như không đến Tòa án, cho thấy anh C không quan T đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L. Ngoài ra, tại biên bản xác minh, đại diện chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị L và anh C sinh sống xác nhận vợ chồng chị L và anh C có xảy ra mâu thuẫn hôn nhân hay không thì chính quyền không nắm được do không ai trình báo với địa phương nhưng giữa chị L và anh C có sống ly thân từ năm 2022 đến nay là có xảy ra thực tế. Xét thấy từ khi sống ly thân cho đến nay nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn và hiện tại cả hai không sống C với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, chỉ vì bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng mà cả hai không có biện pháp hàn gắn, làm cho đời sống vợ chồng ngày càng xa cách hơn, đời sống C không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị La L đối với anh Nguyễn Văn C như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ.

[3.2] *Về con C*: Theo lời trình bày của chị La L phù hợp với giấy khai sinh và biên bản xác minh của chính quyền địa phương cho thấy giữa chị L và anh C C sống với nhau có 02 người con C là em Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 12/11/2004 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/8/2012; Hội đồng xét xử xét thấy cháu T hiện đang sống cùng với chị L, để không làm xáo trộn đời sống của cháu và theo nguyện vọng của cháu tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2025 là muốn được sống cùng chị L, vì vậy cần giao cháu Nguyễn Ngọc T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Đối với em Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 12/11/2004 đã trưởng thành, phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị La L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị L, không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên, chị L vẫn có quyền yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3.3] *Về tài sản C và nợ C*: Chị La L xác định chị và anh C không có tài sản C và nợ C, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà M tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] *Về án phí*: Chị La L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 207, Điều 227, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp Người chưa Thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1./ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị La L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2./ Về con C: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/8/2012 cho chị La L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, (hiện tại cháu đang sống C với chị L nên được giữ nguyên). Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Đối với em Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 12/11/2004 đã trưởng thành, phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3./ Về tài sản C: Chị La L xác định vợ chồng không có tài sản C, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4./ Về nợ C: Chị La L xác định vợ chồng không có nợ tài sản gì của ai và không ai nợ tài sản gì của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5./ Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị La L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị La L đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001938 ngày 14/10/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà M được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án sơ thẩm xử công khai, chị La L, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà M;
- VKSND Khu vực 6 – Cà M;
- Phòng THA.DS Khu vực 6 – Cà M;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Bùi Công Bằng

